|  |  |
| --- | --- |
| **UBNN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học 2019-2020** | **MỤC TIÊU, HÌNH THỨC, MA TRẬN****ĐỀ THI LẠI** **MÔN: HÓA HỌC 8**  |

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:** Kiểm tra, đánh giá kiến thức của HS về:

- Tính chất, điều chế khí oxi, hiđrô

- Oxit

- Phản ứng hóa học: phản ứng hóa hợp, phản ứng phân hủy, phản ứng thế.

- Nước

- Dung dịch, nồng độ của dung dịch

**2. Kỹ năng:**

- Kiểm tra, đánh giá kỹ năng về tính chất và điều chế của hiđro, oxi.

- Kỹ năng giải bài toán định lượng, có liên quan đến tính chất hóa học của hiđro, oxi, nước, nồng độ dung dịch.

- Kĩ năng xác định phản ứng thế, phản ứng hóa hợp, phản ứng phân hủy.

**3. Thái độ - Tư tưởng.**

- Nghiêm túc khi làm bài.

- Yêu thích bộ môn.

**4. Đánh giá năng lực.**

- Phân tích đánh giá nhận xét tổng hợp kiến thức

- Ứng dụng kiến thức, ứng dụng thực tiễn để giải quyết vấn đề

**II. HÌNH THỨC**

1. **Trắc nghiệm**: 50%
* Số câu: 20
* Số điểm: 5
1. **Tự luận**: 50%
* Số câu: 3
* Số điểm: 5

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Cácchủ đề | **Các mức độ nhận thức** |  |  | Tổng |
| Nhận biết(40%) | Thông hiểu(30 %) | Vận dụng(20%) | Vận dụng cao(10%) |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **Oxi** | **4 câu** |  | **2 câu** | **câu1** |  |  |  |  | **2,5đ** |
| **1đ** |  | **0,5 đ** | **1đ** |  |  |  |  |
| **Oxit** | **2 câu** | **Câu 2** |  |  |  |  |  |  | **1, 5đ** |
| **0,5đ** | **1đ** |  |  |  |  |  |  |
| **Hiđro** | **2 câu** |  |  |  |  | **Câu 2** |  |  | **2,5đ** |
| **0,5đ** |  |  |  |  | **2đ** |  |  |
| **Nước** | **4 câu** |  | **2 câu** | **câu1** |  |  |  |  |  |
| **1đ** |  | **0,5đ** | **1đ** |  |  |  |  | **2,5đ** |
| **Dung dịch** | **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1đ** |  |  |  |  |  |  |  | **1đ** |
| **Tổng** | **4đ** | **1đ** | **1đ** | **2đ** |  | **2đ** |  |  | **10đ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBNN QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học 2019-2020** | **ĐỀ THI LẠI****Môn: Hóa học 8****Thời gian: 45 phút** |

**Phần I. Trắc nghiệm (5 điểm)**

**Hãy chọn và ghi chữ cái đứng đầu đáp án đúng vào bài kiểm tra.**

**Câu 1:** Có 3 lọ mất nhãn đựng các dung dịch riêng biệt sau: HCl, NaCl, KOH. Thuốc thử dùng để nhận biết các dung dịch trên là

**A.** dung dịch axit HCl. **B.** Quì tím.

**C.** dung dịch AgNO3. **D.** Dung dịch phenolphtalein.

**Câu 2:** Thể tích khí hiđro (lít) thoát ra (đktc) khi cho 4,6 gam Natri tác dụng với nước là

**A.** 0,448. **B.** 4,48. **C.** 2,24. **D.**0,224.

**Câu 3:** Dung dịch là hỗn hợp

**A.** của chất rắn trong chất lỏng.

**B.** của chất khí trong chất lỏng.

**C.** đồng nhất của chất rắn và dung môi.

**D.** đồng nhất của dung môi và chất tan.

**Câu 4:** Khối lượng chất tan có trong 200 g dung dịch BaCl2 5% là

**A.** 190 *g*. **B.** 20g. **C.** 10 g. **D.** 180 *g*.

**Câu 5:** Nồng độ *mol/l* của 500 ml dung dịch có hoà tan 20,2 *g* KNO3 kết quả sẽ là

**A.** 0,2 M. **B**. 0,4 M. **C.** 0,6 M. **D**. 0,8 M.

**Câu 6:** Cách nào dưới đây thường dùng để điều chế hiđro trong phòng thí nghiệm?

**A.** Nhiệt phân KClO3.

**B.** Điện phân nước.

**C.** Cho CuO tác dụng với nước.

**D.** Cho Zn tác dụng với dung dịch HCl.

**Câu 7:** Khí hiđro phản ứng được với tất cả các chất nào trong dãy các chất sau?

**A.** CuO, ZnO, H2O **B**. CuO, FeO, O2

**C**. FeO, Al2O3, H2SO4 **D**. FeO, HCl, O2

**Câu 8:** Công thức hóa học của phân tử nước là

**A.** HO. **B.** N2O. **C.** NO **D.** H2O

**Câu 9:** Nước phản ứng được với chất nào sau đây sinh ra khí không màu?

**A.**  HCl **B**. BaO **C**. Ba **D**. P2O5

**Câu 10:** Tính chất hoá học không phải của oxi là

**A.** Tác dụng với kim loại. **B.** Tác dụng với phi kim.

**C.** Tác dụng với hợp chất. **D.** Tác dụng với nước.

**Câu 11:** Các hệ số a, b, c trong phương trình: aMg + bO2  cMgO lần lượt là

**A.** 1, 1, 2. **B.** 2, 1, 2. **C.** 1, 2, 1. **D.** 1, 2, 2.

**Câu 12:** Trong các phương trình hóa học sau, phương trình hóa học thuộc phản ứng thế là

**A.** 2H2 + O2  2H2O.

**B.** 2KMnO4  K2MnO4 + MnO2 + O2.

**C.** Zn + H2SO4(loãng) → ZnSO4 + H2.

**D.** CaO + H2O → Ca(OH)2.

**Câu 13:** Tên gọi của P2O5 là

**A.** điphotpho trioxit. **B.** photpho oxit.

**C.** điphotpho oxit. **D.** điphotpho pentaoxit.

**Câu 14:** Dãy chất sau: CuO, Fe2O3, P2O5, K2O, SO2, MgO, BaO, Ba(OH)2 gồm bao nhiêu oxit bazơ?

**A.** 3 **B**. 5 **C.** 4 **D**. 6

**Câu 15:** Khi thu khí hiđro bằng phương pháp đẩy không khí, ta đặt bình nằm úp vì

**A.** Khí hiđro nặng hơn không khí.

**B**. Khí hiđro nặng bằng không khí.

**C.** Khí hiđro ít tan trong nước.

**D**. Khí hiđro nhẹ hơn không khí.

**Câu 16:** Chất nào tác dụng được với nước là

**A.** H2SO4. **B.** MgCl2. **C.** Fe(OH)3. **D.** Na2O.

**Câu 17:** Cho nước vào ống nước đựng P2O5, thả mẩu giấy quỳ tím vào ống nghiệm đó, quỳ tím chuyển sang màu

**A.** đỏ. **B.** xanh. **C.** trắng. **D.** tím.

**Câu 18:** Điện phân hoàn toàn 27 gam nước. Thể tích khí hiđro và khí oxi (đktc) thu được lần lượt là

**A.** 33,6 lít và 20 lít **B.** 33,6 lít và 16,8 lít

**C.** 33,6 lít và 22,4 lít **D.** 33,6 lít và 67,2 lít

**Câu 19**: Hòa tan hoàn toàn 4,8 g kim loại M (hóa trị II) vào trong dung dịch HCl vừa đủ thu được 4,48 lít khí H2 (đktc). Kim loại M là

**A.** Zn. **B**. Cu. **C.** Fe. **D**. Mg.

**Câu 20:** Khử hoàn toàn 8g sắt (III) oxit bằng khí hiđro, người ta phải dùng bao nhiêu lít khí hiđro (đktc)?

**A.** 1,12 lít **B**. 3,36 lít **C**. 1,68 lít **D**. 6,72 lít

**Phần II. Tự Luận (5đ)**

**Câu 1(2,5đ):** Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện nếu có):

(a) Fe2O3  + …  H2O + …

(b) K + … K2O

(c) Mg + H2SO4  … + …

(d) P2O5 + H2O …

(e) Na + H2O  …+…

**Câu 2 (2,5 điểm):** Cho 13 gam Zn tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch axit clohiđric HCl

1. Viết PTHH của phản ứng xảy ra.
2. Tính thể tích khí H2 thoát ra (đktc).
3. Tính nồng độ mol của dung dịch axit đã dùng.
4. Tính nồng độ mol của dung dịch thu được sau phản ứng (coi thể tích dung dịch sau phản ứng không thay đổi)

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23;

Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ba=137

**\*Ghi chú: Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra.**

**Chúc các con làm bài tốt!**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG****Năm học 2019-2020** | **HƯỚNG DẪN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM** **ĐỀ THI LẠI** **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

**Phần I: Trắc nghiệm (5 điểm)**

***Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án  | B | C | D | C | B | D | B | D | C | B |
| Câu  | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án  | B | C | D | B | D | D | A | B | D | B |

**Phần II: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1****(2,5 điểm)** | (a) Fe2O3  + 3H2  3H2O + 2Fe (b) 4K + O2  2K2O(c) Mg + H2SO4  MgSO4 + H2 (d) P2O5 + 3H2O 2H3PO4 (e) 2Na + 2H2O  2NaOH+H2 | 0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm |
| **Câu 2****(2,5 điểm)** | a. PTHH: Zn + 2 HCl → ZnCl2 + H2b. nZn = 0,2 mol → nH2 = 0,2 mol VH2 = 0,2 . 22,4 = 4,48 lc.nHCl =0,4 mol, 100 ml = 0,1 l CM(HCl) = $\frac{0,4}{0,1}$ =4Md.nMgCl2 = 0,2 molCM(MgCl2) = 0,2/0,1=2M | 0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm0.5 điểm |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** | **TTCM** | **NTCM** | **Người ra đề** |
|  | Phạm Văn Quý |  | Đặng Thanh Thỏa |